

CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương - KSB

ĐÁNH GIÁ

Giá mục tiêu	21.300 VND
Giá hiện tại	17.700 VND
Upside	20%

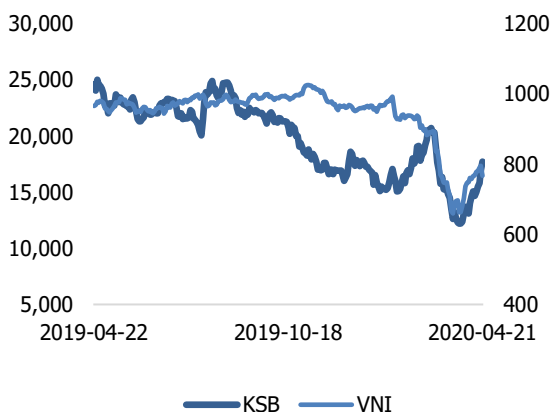
Dữ liệu giao dịch

Sàn giao dịch	HSX
Giá cao/thấp nhất 52 tuần	24.700/11.700 VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	947
SLCP đang lưu hành (triệu cp)	53,55
KLGBQ 52 tuần (cổ phiếu)	475.338
Sở hữu trong nước (%)	61,34%
Sở hữu nước ngoài (%)	12,34%
Room nước ngoài (%)	49%

Một số chỉ tiêu chính

	2019	2020E	2021E
Doanh thu (tỷ VND)	1,314	1,373	1,588
LN gộp (tỷ VND)	641	661	789
EBIT (tỷ VND)	464	35	83
LN ròng (VND)	330	177	213
Tăng trưởng LNR (%)	1%	6%	34%
EPS (VND)	6,139	6,488	8,712
Tăng trưởng EPS (%)	1%	6%	34%
BVPS	23,974	30,463	38,675
Tỷ suất cổ tức (%)	-	-	0
ROE (%)	28.6%	23.8%	25.2%
ROA (%)	9.6%	9.0%	11.8%

Diễn biến giá cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông

DHR Holdings	27,02%
PXP VEF Fund	4,76%
Phan Tấn Đạt	4,05%
Khác	64,17%

Cơ hội đến từ làn sóng đầu tư công

Cơ hội đầu tư

Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu KSB với mức chênh lệch giá dự kiến 20% so với giá hiện tại 17.700 đồng/cổ phiếu. Mức giá của KSB đã giảm mạnh trong hơn 2 năm vừa qua do sự tắc nghẽn của thị trường bất động sản phía Nam và những lo ngại của mỏ Tân Đông Hiệp. Chúng tôi cho rằng, đã đến lúc phải xem xét lại giá trị của một doanh nghiệp đầu ngành đá xây dựng, có khả năng tạo ra dòng tiền mạnh và ổn định với triển vọng kinh doanh đầy hứa hẹn nhờ xu hướng đẩy mạnh đầu tư công.

Đánh giá triển vọng doanh nghiệp

KSB là doanh nghiệp có quy mô và tiềm năng tăng trưởng tốt nhất ngành đá xây dựng khi sở hữu mỏ đá có chất lượng tốt với biên lợi nhuận khai thác đá ở mức khá cao trên 35%.

Tiềm năng tăng trưởng rõ ràng khi sở hữu trữ lượng đá lớn, thời gian khai thác lâu dài cùng với vị trí mỏ gần tâm điểm của hai đại dự án đầu tư công của cả nước là sân bay Long Thành và Cao Tốc Bắc – Nam.

Sở hữu khu công nghiệp rộng lớn với quỹ đất thương phẩm đạt trên 130,9 ha có giá thuê cạnh tranh, trong khi đó diện tích lấp đầy chưa đạt một nửa, như vậy quỹ đất có thể cho thuê vẫn còn khoảng 84.5 ha, đủ để công ty khai thác trong 2-3 năm tới.

Ý đồ thâm nhập doanh nghiệp sở hữu các mỏ khoáng sản, đặc biệt là mỏ đá xây dựng ngày càng được thể hiện rõ thông qua khoản mục ủy thác đầu tư, trị giá 1.312 tỷ đồng. Chúng tôi cho rằng nếu ý đồ này thành công thì KSB rất xứng đáng để trở thành một doanh nghiệp khổng lồ trong ngành đá xây dựng.

Định giá

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền để xác định giá trị hợp lý cho cổ phiếu KSB. Phương pháp định giá FCFE cho giá trị hợp lý của cổ phiếu ở mức 21.300 đồng/cổ phiếu.

Rủi ro chính

Đổi mặt với quy định pháp lý trong quá trình gia hạn khai thác cũng như tình trạng khiếu kiện của người dân về vấn đề ô nhiễm môi trường và ô nhiễm tiếng ồn.

Rủi ro của dịch bệnh có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp mà KSB đang sở hữu.

Đánh giá sự hấp dẫn từng mảng kinh doanh
Kinh doanh khoáng sản

KSB là doanh nghiệp giữ vị trí hàng đầu về quy mô trong các doanh nghiệp đá xây dựng, khi sở hữu công suất khai thác lớn với chữ lượng khai thác và chất lượng đá tốt do đó biên lợi nhuận từ mảng đá xây dựng của KSB cao hơn nhiều so với các doanh nghiệp trong ngành. Những lo ngại về sản lượng khai thác sẽ giảm do mỏ đá Tân Đông Hiệp mỏ đá chiếm trên 1/3 sản lượng khai thác và có biên lợi nhuận cao nhất sẽ hết hạn khai thác trong năm 2019 khiến thị giá doanh nghiệp giảm mạnh trong thời gian qua.

Theo ban lãnh đạo, KSB sẽ tăng công suất khai thác tại 2 mỏ đá Tân Mỹ và Phước Vĩnh, tiếp tục tìm kiếm các doanh nghiệp cùng ngành sở hữu các mỏ đá lớn nhằm bù đắp cho sản lượng thiếu hụt từ mỏ đá Tân Đông Hiệp trong năm 2020-2021. Chúng tôi kỳ vọng, với khoản ủy thác đầu tư hơn 1.300 tỷ đồng được KSB triển khai từ cuối năm 2018, KSB sẽ sớm thực hiện được kế hoạch M&A trong thời gian tới.

Doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu	Vị trí	Trữ lượng cấp phép (m ³)	Công suất khai thác cấp phép (m ³ /năm)	Trữ lượng còn lại (m ³)	Thời gian khai thác
KSB						
Mỏ Tân Mỹ	100%	Tân Mỹ, Tân Uyên, Bình Dương	22,326,387	1,000,000	17,832,073	28/08/2029
Mỏ Tân Đông Hiệp	100%	Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương	9,500,000	1,600,000	1,471,498	31/12/2019
Mỏ Phước Vĩnh	100%	Phước Vĩnh, Phú Giáo, Bình Dương	6,000,000	1,000,000	2,919,261	13/01/2023
Mỏ Thiện Tân 7	100%	Đồng Nai	5,290,504	280,000	4,548,053	29/01/2035
Mỏ Núi Bối Giang	70%	Nghệ An	4,463,209	150,000	4,446,252	16/08/2043
Mỏ Gò Trường	30%	Tỉnh Gia, Thanh Hoá	8,989,632	180,000	8,601,652	21/01/2045
NNC						
Mỏ Núi Nhỏ	100%	Dĩ An, Bình Dương	1,855,305	2,000,000	N/A	12/1/2019
Mỏ Mũi Tàu	100%	Phú Giáo, Bình Phước	22,509,268	1,000,000	N/A	1/1/2042
VLB						
Mỏ Thiện Tân 2	100%	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	N/A	1,800,000	N/A	N/A
Mỏ Thạch Phú 1	100%	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	N/A	1,800,000	N/A	2/1/2023
Mỏ Soklu	100%	Đồng Nai	N/A	400,000	N/A	N/A
Mỏ Tân Cang	100%	Biên Hòa, Đồng Nai	N/A	1,500,000	N/A	N/A
CTI						
Mỏ Thiện Tân 10	87,85%	Hố Nai, Biên Hòa	26,600,000	2,000,000	26,600,000	12/1/2033
Mỏ Tân Cang 8	100%	Biên Hòa, Đồng Nai	15,000,000	1,000,000	15,000,000	12/1/2035
Mỏ Xuân Hòa	100%	Biên Hòa, Đồng Nai	18,000,000	750,000	18,000,000	1/1/2030
C32						
Mỏ Tân Đông Hiệp	80%	Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương	1,525,476	1,200,000	-	12/1/2019
Mỏ Tân Mỹ	30%	Tân Uyên, Bình Dương			2,000,000	1/2/2022
DHA						
Mỏ Tân Cang 3	100%	Biên Hòa, Đồng Nai	6,693,460	818,000	4,955,720	1/3/2037
Mỏ Thạch Phú 2	100%	Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai	490,000		7,463,532	1/9/2026
Mỏ Núi Gió	100%	Hớn Quản, Bình Phước	6,341,768	300,000	N/A	1/8/2038

Nguồn: BCTN các DN, PSI tổng hợp

Ngoài việc khai thác đá xây dựng thì KSB còn khai thác và sản xuất một số vật liệu xây dựng khác như cao lanh, sét, gạch và cống bê tông, tuy doanh thu và lợi nhuận của mảng này chỉ chiếm một phần nhỏ, nhưng đem lại dòng tiền khá đều đặn cho KSB hàng năm.

Cho thuê khu công nghiệp

Với dòng vốn FDI tăng mạnh trong thời gian qua dẫn đến nhu cầu thuê đất khu công nghiệp tăng cao, điều này tạo ra cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp còn nhiều quỹ đất cho thuê. Bên cạnh việc kinh doanh khoáng sản, KSB phát triển thêm mảng BĐS khu công nghiệp tạo nguồn thu ổn định hàng năm.

Trong năm 2019, KSB tiếp tục đẩy mạnh công tác đền bù mở rộng khu công nghiệp Đất Cuốc giai đoạn 2 mở rộng với diện tích khoảng 200 ha. Như vậy, trong những năm tới mảng kinh doanh bất động sản khu công nghiệp của KSB vẫn sẽ là mảng có nhiều dư địa phát triển từ quỹ đất được bổ sung mới trong năm 2019.

Tên khu công nghiệp	Địa chỉ	Giá thuê
KCN Đất Cuốc (KSB)	Tân Uyên, Bình Dương	38 USD/m ² /50 năm
KCN Nam Tân Uyên (PHR)	Tân Uyên, Bình Dương	53 USD/m ² /50 năm
KCN Mỹ Phước (BCM)	Bến Cát, Bình Dương	35 USD/m ² /50 năm
KCN Tân Lập (PHR)	Cần Giuộc, Long An	70 USD/m ² /50 năm
KCN Long Thành (SZL)	Long Thành, Đồng Nai	90 USD/m ² /50 năm
KCN Nhơn Trạch 2 (D2D)	Nhơn Trạch, Đồng Nai	55 USD/m ² /50 năm

Nguồn: Viipip, Kland, PSI tổng hợp

Giá cho thuê khu công nghiệp của KSB hiện tại khá cạnh tranh so với các doanh nghiệp trong khu vực, do đó chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp của KSB sau dịch sẽ tăng nhanh chóng và tiếp tục là động lực giúp doanh thu của KSB tăng trưởng mạnh trong những năm tới.

Chiến lược của doanh nghiệp

Mặc dù KSB là doanh nghiệp có trữ lượng đá cấp phép và sản lượng khai thác đứng top đầu trong các doanh nghiệp ngành đá, tuy nhiên trữ lượng đá được cấp phép mới trong những năm gần đây khá ít so với nhu cầu đang ngày càng tăng, một số mỏ đá của KSB, NNC, C32 đã hết hạn khai thác trong năm 2019 khiến nguồn cung giảm đáng kể trong những năm tới.

Trong năm 2020, KSB sẽ đẩy mạnh khai thác tại 2 mỏ đá Tân Mỹ và Phước Vĩnh bù đắp cho sản lượng khai thác từ mỏ Tân Đông Hiệp. Ngoài ra, với khoản ủy thác đầu tư trị giá hơn 1.300 tỷ đồng và động thái cử thành viên tham gia vào hội đồng quản trị của một doanh nghiệp đá khác cho thấy quyết tâm M&A doanh nghiệp cùng ngành để gia tăng trữ lượng đá được chuẩn bị rất kỹ lưỡng.

Phân tích kết quả kinh doanh

	2018A	2019A	2020F	2021F
Đá xây dựng				
+ Khai thác Đá (m3)	4,180,250	5,519,902	4,984,300	5,200,000
<i>Growth (%) YoY</i>	-1.50%	32.00%	-9.7%	4.3%
+ Doanh thu đá (trđ)	737,526	885,142	847,331	910,000
<i>Growth (%) YoY</i>	-9.40%	20.00%	-4.27%	7.40%
Cao lanh				
+ Khai thác cao lanh (m3)	71,925	48,430	50,000	55,000
<i>Growth (%) YoY</i>	6.10%	-32.70%	3.24%	10.00%
+ Doanh thu (trđ)	34,995	23,850	24,869	27,630
<i>Growth (%) YoY</i>	24.30%	-31.80%	4.27%	11.10%
Mỏ sét				
+ Khai thác đất sét (m3)	142,786	210,243	240,000	240,000
<i>Growth (%) YoY</i>	178.40%	47.20%	14.15%	0.00%
+ Doanh thu (tr)	12,981	18,320	21,122	21,333
<i>Growth (%) YoY</i>	188.30%	41.10%	15.30%	1.00%
KCN				
+ Diện tích cho thuê (ha)	39.6	45.5	52.325	68.0225
<i>Growth (%) YoY</i>	28.40%	14.90%	15.00%	30.00%
+ Doanh thu	318,730	394,610	459,074	611,820
<i>Growth (%) YoY</i>	1006.90%	23.80%	16.34%	33.27%
Khác				
DT gạch và công bê tông	67,593	44,855	65,317	65,317
<i>Growth (%) YoY</i>	-19.10%	-33.60%	45.62%	0.00%
Tổng doanh thu	1,168,993	1,313,990	1,373,048	1,588,152
<i>Growth (%) YoY</i>	6.80%	12.40%	4.49%	15.67%
Lợi nhuận gộp	570,547	640,866	660,837	789,345
<i>Margin (%) YoY</i>	48.80%	48.80%	48.13%	49.70%
Lợi nhuận sau thuế	327,143	330,135	346,423	463,132
<i>Growth (%) YoY</i>	18.00%	0.90%	4.93%	33.69%

Nguồn: BCTC KSB, PSI tổng hợp

Kết quả kinh doanh của KSB giai đoạn hậu thoái vốn từ SCIC khá tốt, doanh thu và lợi nhuận gộp tăng trưởng đều đặn với biên lợi nhuận gộp ở mức rất cao đạt 48,8% trong năm 2019. Nguồn doanh thu chính vẫn đến từ mảng đá xây dựng, tuy nhiên kể từ năm 2018 mảng cho thuê khu công nghiệp bắt đầu đóng góp vào tổng doanh thu với tỷ lệ cao hơn, tính đến 2019 mảng kinh doanh KCN đã đóng góp 30% vào tổng doanh thu toàn công ty. Chúng tôi cho rằng trong 2 năm tới mảng này sẽ là động lực chính đóng góp vào tăng trưởng lợi nhuận chung toàn công ty.

Chúng tôi dự báo, trong năm 2020 doanh thu từ mảng đá sẽ giảm 9,7% nguyên nhân chính là do mỏ đá Tân Đông Hiệp đóng cửa khiến sản lượng khai thác giảm, tuy nhiên nguồn cung đá giảm khiến giá bán đá lại tăng lên kéo doanh thu từ đá xây dựng giảm ít hơn - 4,27%. Diện tích cho thuê KCN tăng 15% giúp doanh thu từ mảng này tăng 16,34% lên 459 tỷ đồng.

Nhìn chung, doanh thu của KSB trong năm 2020 được chúng tôi dự báo tăng nhẹ 4,49%, lợi nhuận sau thuế tăng 4,93%, trong đó doanh thu và lợi nhuận sẽ giảm nhẹ trong 2 quý đầu năm và tăng trở lại vào 2 quý đầu năm nhờ vào việc triển khai các dự án đầu tư công của chính phủ. Chúng tôi cho rằng kết quả kinh doanh của KSB sẽ thực sự khởi

sắc kể từ cuối năm 2020 và kéo dài đến năm hết 2022, do giai đoạn này KSB được hưởng lợi đáng kể từ xu hướng đầu tư công và đến từ tỷ lệ lấp đầy của mảng bất động sản khu công nghiệp.

Định giá doanh nghiệp

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền để xác định giá trị hợp lý cho cổ phiếu KSB. Phương pháp định giá FCFF cho giá trị hợp lý của cổ phiếu ở mức 21.300 đồng/cổ phiếu.

	<i>Dec-20</i>	<i>Dec-21</i>	<i>Dec-22</i>	<i>Dec-23</i>	<i>Dec-24</i>
EBIT	475,822	575,345	698,667	803,069	933,991
Tax Rate	20%	20%	20%	20%	20%
EBIAT (NOPAT)	380,658	460,276	558,933	642,455	747,193
- Thay đổi vốn lưu động	- 227,621	408,580	456,400	355,518	456,410
- Chi phí vốn	-	-	- 83,384	-	-
+ Chi phí lưu động	18,456	69,996	- 72,760	10,624	10,624
FCFF	626,735	121,691	- 53,611	297,561	301,406
Tỷ lệ chiết khấu	16%	16%	16%	16%	16%
Chiết khấu dòng tiền	540,289	90,437	- 34,346	164,340	143,504
DCF					1,949,749
Tổng nợ					946,166
Lợi ích cổ đông thiểu số					-
Tiền					139,585
Intrinsic value					1,143,167
Số cổ phiếu lưu hành					53,779,882
Giá trị cổ phiếu (VND)					21,256

Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)	2019	2020E	2021E	Chỉ số chính	2019	2020E	2021E
Doanh thu thuần	1,314	1,373	1,588	Khả năng sinh lời			
Giá vốn hàng bán	673	712	799	Biên lợi nhuận gộp	49%	48%	50%
Lợi nhuận gộp	641	661	789	Biên EBITDA	35%	36%	41%
Doanh thu hoạt động tài chính	32	24	49	Biên lợi nhuận sau thuế (của cổ đông công ty mẹ)	32%	32%	37%
Chi phí tài chính	77	61	35	ROE	29%	24%	25%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	89	93	108	ROA	10%	9%	12%
Chi phí bán hàng	88	92	106	Tăng trưởng			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	464	476	575	Doanh thu	12%	4%	16%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	Lợi nhuận gộp	12%	3%	19%
Lợi nhuận khác	158	122	70	Lợi nhuận sau thuế (của cổ đông công ty mẹ)	1%	6%	34%
	415	439	589	EPS	1%	6%	34%
Lợi nhuận trước thuế	330	349	469	Tổng tài sản	37%	-5%	11%
Lợi nhuận sau thuế	330	349	469	VCSH	26%	27%	27%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	-	-	-	Thanh khoản			
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1,314	1,373	1,588	Thanh toán hiện hành	1.42	1.79	2.37
Bảng cân đối kế toán	2019	2020E	2021E	Thanh toán nhanh	0.08	0.14	0.32
Tài sản ngắn hạn	2,353	2,181	2,660	Nợ/tài sản	24%	15%	7%
I. Tiền & tương đương tiền	140	176	359	Nợ/vốn chủ sở hữu	73%	35%	14%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	Khả năng thanh toán lãi vay	6.12	7.80	16.40
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	2,008	1,832	2,119	Định giá			
IV. Hàng tồn kho	108	76	85	Cổ tức	6,139	6,488	8,712
V. Tài sản ngắn hạn khác	97	97	97	EPS (VND)	23,974	30,463	38,675
Tài sản dài hạn	1,606	1,594	1,524	BVPS (VND)	0.0%	0.0%	5.0%
I. Các khoản Phải thu dài hạn	206	206	206	Cashflow Statement	2019	2020E	2021E
II. Tài sản cố định	165	152	82	CFO	619	507	587
V. Đầu tư tài chính dài hạn	44	44	44	CFI	-935	-100	-100
VI. Tài sản dài hạn khác	250	250	250	CFF	331	-370	-304
Tổng tài sản	3,959	3,775	4,184				
Nợ phải trả	946	576	299				
I. Nợ ngắn hạn	1,657	1,219	1,124				
1. Các khoản phải trả ngắn hạn	736	717	830				
2. Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	669	376	149				
II. Nợ dài hạn	1,013	917	980				
1. Các khoản phải trả dài hạn	736	717	830				
2. Vay & nợ thuê tài chính dài hạn	277	200	150				
Vốn chủ sở hữu	2,670	2,137	2,104				
1. Vốn điều lệ	538	538	538				
2. Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0				
3. Các khoản lợi nhuận chưa phân phối	643	991	1,433				
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-				
5. Nguồn vốn khác	109	109	109				
Tổng nguồn vốn	1,289	1,638	2,080				

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Hệ thống khuyến nghị của PSI được xây dựng dựa trên mức chênh lệch giữa kết quả định giá và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm định giá, có giá trị 6 tháng kể từ thời điểm phát hành báo cáo. Có 3 mức khuyến nghị cho mỗi cổ phiếu, tương ứng với từng mức chênh lệch. Các khuyến nghị có thể được thay đổi sau mỗi lần cập nhật hoặc đánh giá lại để phù hợp với tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	>=20%
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	<= -20%

LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: www.psi.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 6789

Fax: (84-8) 3914 6969

Chi nhánh TP. Vũng Tàu

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu

Điện thoại: (84-64)

254520/22/23/24/26

Fax: (84-64) 625 4521

Chi nhánh TP. Đà Nẵng

Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 389 9338

Fax: (84-511) 389 9339

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH**Đào Hồng Dương**

Giám đốc Trung tâm Phân Tích

Email: duongdh@psi.vn

Nguyễn Hoàng Minh Hương

Chuyên viên phân tích

Email: huongnhm@psi.vn

Ngô Hồng Đức

Chuyên viên phân tích

Email: Ducnh@psi.vn

Lê Đức Khánh

Phó Giám đốc Trung tâm Phân Tích

Email: khanhld@psi.vn

Đỗ Trung Thành

Phó phòng PTDN

Email: thanhdt@psi.vn

Nguyễn Minh Hiếu

Chuyên viên phân tích

Email: hieunm@psi.vn

Nguyễn Văn Chính

Phó Phòng Phòng PTCS & SP

Email: chinhnv@psi.vn

Lê Thị Trà Giang

Bộ phận truyền thông

Email: gianglth@psi.vn

Phạm hoàng

Chuyên viên phân tích

Email: hoangp@psi.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.